

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Chi nhánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Các số liệu trình bày bằng đồng Việt Nam trong báo cáo tài chính kèm theo được quy đổi dựa trên cơ sở được trình bày trong *Thuyết minh số 2.3* chỉ cho mục đích sử dụng nội bộ của Chi nhánh và nộp cho các cơ quan chức năng theo các quy định hiện hành.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Bandara

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Hồ Nguyên Thanh

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3459-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02/TCTD

	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi
TÀI SẢN					
Tiền mặt	5	490.220	10.993	224.017	4.964
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	36.175.639	811.239	36.576.163	810.491
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác		296.099.585	6.640.034	274.665.772	6.086.319
Tiền gửi tại các TCTD khác	7.1	296.099.585	6.640.034	272.409.352	6.036.319
Cho vay các TCTD khác	7.2	-	-	2.256.420	50.000
Cho vay khách hàng		91.101.697	2.042.955	88.601.120	1.963.313
Cho vay khách hàng	8	92.021.916	2.063.591	89.915.452	1.992.437
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(920.219)	(20.636)	(1.314.332)	(29.124)
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10	2.275.535	51.029	2.717.270	60.212
Tài sản cố định		252.156	5.654	268.867	5.958
Tài sản cố định hữu hình	11.1	244.943	5.492	258.048	5.718
Nguyên giá tài sản cố định		641.536	14.386	578.274	12.814
Khấu hao tài sản cố định		(396.593)	(8.894)	(320.226)	(7.096)
Tài sản cố định vô hình	11.2	7.213	162	10.819	240
Nguyên giá tài sản cố định		22.067	495	22.067	489
Hao mòn tài sản cố định		(14.854)	(333)	(11.248)	(249)
Tài sản Có khác		1.487.846	33.365	1.296.570	28.729
Các khoản phải thu	12.1	287.335	6.443	458.202	10.153
Các khoản lãi và phí phải thu	12.2	1.075.787	24.125	716.253	15.871
Tài sản Có khác	12.3	124.724	2.797	122.115	2.705
TỔNG TÀI SẢN		427.882.678	9.595.269	404.349.779	8.959.986
NỢ PHẢI TRẢ					
Tiền gửi của các TCTD khác	13	26.544.559	595.262	21.367.152	473.475
Tiền gửi của khách hàng	14	291.666.345	6.540.618	277.971.720	6.159.575
Các khoản nợ khác		2.133.356	47.840	3.588.979	79.528
Các khoản lãi và phí phải trả	15.1	125.308	2.810	80.588	1.786
Các khoản phải trả và công nợ khác	15.2	2.008.048	45.030	3.508.391	77.742
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		320.344.260	7.183.720	302.927.851	6.712.578
VỐN CHỦ SỞ HỮU					
Vốn góp	17	80.000.000	1.794.000	80.000.000	1.772.720
Các quỹ dự trữ	17	5.751.012	128.966	4.833.538	107.106
Lợi nhuận chưa phân phối	17	21.787.406	488.583	16.588.390	367.582
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		107.538.418	2.411.549	101.421.928	2.247.408
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		427.882.678	9.595.269	404.349.779	8.959.986

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02/TCTD

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thuyết minh		Số cuối năm		Số đầu năm	
		Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi
Các cam kết tài trợ thương mại	26	50.374.670	1.129.651	96.223.768	2.132.222
Bảo lãnh		37.154.123	833.180	84.459.784	1.871.544
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		13.220.547	296.471	11.763.984	260.678
Cam kết cho vay không hủy ngang	26	10.757.433	241.235	9.073.405	201.058
		61.132.103	1.370.886	105.297.173	2.333.280

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Ông Xu Xiao Fei
Kế toán trưởng

Bà Li Jing
Trưởng phòng Kế toán -
Thanh toán

Ông Bie Yong Chun
Phó Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018

Ngân hàng Bank of China (Hong Kong) Limited - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03/TCTD

		Năm nay		Năm trước	
	Thuyết minh	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi	Đô la Mỹ	Triệu đồng quy đổi
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	18	9.392.013	210.616	10.868.668	240.839
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	19	(696.040)	(15.609)	(978.934)	(21.692)
Thu nhập lãi thuần		8.695.973	195.007	9.889.734	219.147
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		840.264	18.843	548.112	12.146
Chi phí hoạt động dịch vụ		(302.462)	(6.783)	(222.975)	(4.941)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	20	537.802	12.060	325.137	7.205
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	21	4.481.792	100.504	2.331.204	51.657
Lãi thuần từ hoạt động khác		315	7	6.315	140
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		13.715.882	307.578	12.552.390	278.149
Chi phí nhân viên		(4.251.709)	(95.345)	(3.818.456)	(84.613)
Chi phí khấu hao		(79.973)	(1.793)	(44.144)	(978)
Chi phí hoạt động khác		(2.102.918)	(47.158)	(2.006.110)	(44.453)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	22	(6.434.600)	(144.296)	(5.868.710)	(130.044)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		7.281.282	163.282	6.683.680	148.105
Hoàn nhập/(chi phí) dự phòng rủi ro tín dụng	9	394.113	8.838	(288.271)	(6.388)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		7.675.395	172.120	6.395.409	141.717
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16	(1.558.905)	(34.958)	(1.284.844)	(28.471)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		6.116.490	137.162	5.110.565	113.246

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Ông Xu Xiao Fei
Kế toán trưởng



Bà Li Jing
Trưởng phòng Kế toán -
Thanh toán



Ông Bie Yong Chun
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2018